

Số: /2024/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống
trên địa bàn tỉnh Bình Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 18 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 5901/TTr-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Dương; Báo cáo thẩm tra số 101/BC-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định chuẩn nghèo của tỉnh và thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi theo quy định hoặc quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ về đất ở

1. Giao đất ở, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở lần đầu trong hạn mức theo quy định và được giảm 50% tiền sử dụng đất.

Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Đã được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức như sau:

a) Trường hợp không còn đất ở thì được giao đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở; người sử dụng đất được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định.

b) Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ về đất nông nghiệp

1. Giao đất nông nghiệp trong hạn mức không thu tiền sử dụng đất.

2. Trường hợp đã được Nhà nước giao đất nhưng nay không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp thì được tiếp tục giao đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất.

Điều 4. Chính sách về hỗ trợ cho thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh

Trường hợp địa phương không còn quỹ đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% so với hạn mức giao đất nông nghiệp mà không bố trí được quỹ đất, nếu cá nhân người dân tộc thiểu số có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được giới thiệu địa điểm, xem xét cho thuê đất và giảm 50% tiền thuê đất.

Điều 5. Quỹ đất và nguồn kinh phí thực hiện

1. Quỹ đất để thực hiện chính sách tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai.

2. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật Đất đai và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ 18 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND cấp huyện;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh Bình Dương;
- Website, Báo, Đài PTTH Bình Dương;
- Các phòng thuộc Văn phòng, App, Web;
- Lưu: VT, Phước (4).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lộc